TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/KDTM- ST
Ngày 04/6/2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Lanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lục Văn Vãn; Bà Vũ Thị Hòa

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lương Thế Trung - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2020/TLST- KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST- KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Tên viết bằng tiếng nước ngoài: S COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

Tên viết tắt: S

Địa chỉ trụ sở: Số 77, phố T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L - Chức vụ: Tổng giám đốc

Những người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Quốc H - Giám đốc phòng giao dịch P

Địa chỉ: Số 256, đường N, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai (Có mặt)

- Ông Nguyễn Huy T - Phó giám đốc phụ trách PGD C (Vắng mặt)

- Ông Lý Hải N - Phó giám đốc phụ trách PGD S. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ

Địa chỉ: Tổ 14, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Tuấn L và bà Phạm Thị Hồng N

Cùng địa chỉ: Tổ 41, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 13/09/2019 Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh L - Phòng giao dịch P và ông Nguyễn Văn Đ ký kết hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 111/2019/HĐHM-CN/SHB.110901 với nội dung cho vay 2,000,000,000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh mua bán giày dép; Lãi suất vay trong hạn là 9.1 %/năm áp dụng trong 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể giữa các bên, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 06 tháng trả lãi sau cao nhất Khách hàng cá nhân của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ cho vay là 2,7 %/năm. Ngày 13/09/2019 ông Nguyễn Văn Đ đã nhận nợ 1,600,000,000 đồng theo khế ước nhận nợ số: 01-111/2019/HĐHM-CN/SHB.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là 2 bất động sản của bên thứ ba là ông Đỗ Tuấn L và bà Phạm Thị Hồng N gồm:

Tài sản thế chấp thứ nhất: Căn cứ vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 74/2019/HĐTC-BTB/SHB.110901 ngày 13/09/2019 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh L - Phòng giao dịch P, bên thế chấp ông Đỗ Tuấn L và bà Phạm Thị Hồng N thế chấp thửa đất có diện tích 250 m^2 đất ở nông thôn, tại địa chỉ: Thôn Châu Giàng, xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 426518, số vào sổ cấp GCN: CH 01634, do UBND huyện Bát Xát cấp ngày 14/02/2015. Ngày 12/09/2019 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bát Xát xác nhận chuyển nhượng cho ông Đỗ Tuấn L theo hồ sơ số 000 049 .CN.005.

Tài sản thế chấp thứ hai: Căn cứ vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 75/2019/HĐTC-BTB/SHB.110901 ngày 13/09/2019 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh L - Phòng giao dịch P, bên thế chấp là ông Đỗ Tuấn L và bà Phạm Thị Hồng N thế chấp thửa đất có diện tích 150 m^2 đất ở tại nông thôn, tại địa chỉ: Thôn Châu Giàng, xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 731865, số vào sổ cấp GCN: CH 01626, do UBND huyện Bát Xát cấp ngày 10/10/2014. Ngày 12/09/2019 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bát Xát xác nhận chuyển nhượng cho ông Đỗ Tuấn L theo hồ sơ số 000 047.CN.005.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Văn Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho ngân hàng nên toàn bộ khoản vay bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/10/2019. Ngân hàng thương mại cổ phần S đề nghị

Tòa án giải quyết buộc ông Đ phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 04/6/2020, tổng số tiền 1,743,282,553 đồng, trong đó dư nợ gốc: 1,600,000,000 đồng. dư nợ lãi: 143,282,553 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 111/2019/HĐHM-CN/SHB.110901 ngày 13/09/2019 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông Đức không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP S được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của ông L và bà N để bảo đảm thu hồi nợ cho ngân hàng.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ngày 13/9/2019 ông Đức đã ký hợp đồng vay cấp hạn mức tín dụng với ngân hàng TMCP Sài, số hợp đồng: 111/2019/HĐHM-CB/SHB.110901 và các hợp đồng đảm bảo thực hiện cho hợp đồng hạn mức nêu trên số: 74/2019/HĐTC-BTB/SHB.110901 và hợp đồng đảm bảo số: 75/2019/HĐTC-BTB/SHB.110901. Việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã được vay số tiền là: 1,600,000,000 đồng theo khế ước nhận nợ số: 01-111/2019/HĐHM-CN/SHB.110901 ngày 13/9/2019, thời hạn trả gốc là ngày 13/02/2020, phải trả lãi hàng tháng. Tuy nhiên, từ thời điểm được giải ngân cho đến nay, ông Đ vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả được bất kỳ khoản gốc, lãi nào cho ngân hàng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, ông Nguyễn Văn Đ đồng ý trả nợ với số tiền gốc vay là 1,600,000,000 đồng và toàn bộ lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 111/2019/HĐHM-CN/SHB.110901 ngày 13/09/2019. Tuy nhiên bản thân ông Đ không thể có khả năng trả nợ, vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ vào các hợp đồng bảo đảm được ký giữa ngân hàng với ông Đ và vợ chồng anh L, chị N là bên đứng ra bảo đảm xử lý tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật để thanh toán nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng N trình bày: Qua quan hệ quen biết bạn bè, ngày 13/9/2019 bà và chồng Đỗ Tuấn L đã tự nguyện ký các hợp đồng đảm bảo thực hiện nghĩa vụ số: 74/2019/HĐTC-BTB/SHB.110901 và hợp đồng đảm bảo số: 75/2019/HĐTC-BTB/SHB.110901, việc ký 02 hợp đồng nêu trên là để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ông Nguyễn Văn Đ và ngân hàng S theo hợp đồng số: 111/2019/HĐHM-CB/SHB.110901 ngày 13/9/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã nhận được giải ngân là 1,6 tỷ đồng, từ khi được giải ngân đến nay, ông Đ cũng đã thông báo cho bà N về việc vi phạm nghĩa vụ nợ. Đến nay, ông Đ không có khả năng trả nợ vì vậy bà N đồng ý giao các tài sản theo các hợp đồng bảo đảm cho ngân hàng để tiến hành xử lý tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Tuấn L: Toà án đã tiến hành tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án cho ông L biết nhưng ông L không có văn bản trả lời và cũng không đến toà án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy Toà án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan toà án đã tiến hành tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án không có văn bản trả lời và cũng không đến toà án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy Toà án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 241, 299, 317, 320, 322, 463,466, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91; 95; 98 của Luật các Tổ chức tín dụng. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 04/6/2020 tiền nợ gốc: 1.600.000.000 đồng, tiền nợ lãi: 143.282.553 đồng

Trường hợp ông Nguyễn Văn Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên cho Ngân hàng S, Ngân hàng S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để thu hồi khoản nợ trên.

Tuyên án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa anh Đỗ Tuấn L, chị Phạm Thị Hồng N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[2] Xét hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng: Ngày 13/09/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh L - Phòng giao dịch P và ông Nguyễn Văn Đ đã ký kết hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 111/2019/HĐHM-CN/SHB.110901 với nội dung cho vay 2,000,000,000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh mua bán giày dép; Lãi suất vay trong hạn là 9.1

%/năm áp dụng trong 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể giữa các bên, lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 06 tháng trả lãi sau cao nhất Khách hàng cá nhân của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ cho vay là 2,7 %/năm. Ngày 13/09/2019 anh Nguyễn Văn Đ đã nhận nợ 1,600,000,000 đồng theo khế ước nhận nợ số: 01-111/2019/HĐHM-CN/SHB. Hợp đồng tín dụng này **v**ề hình thức hợp đồng tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự, các bên tự nguyện tham gia ký kết, không bị ai ép buộc. Nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Xét hợp đồng bảo đảm: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 74/2019/HĐTC-BTB/SHB.110901 ngày 13/09/2019 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh L - Phòng giao dịch P, bên thế chấp là ông Đỗ Tuấn L và bà Phạm Thị Hồng N thế chấp thửa đất có diện tích 250 m^2 đất ở nông thôn, tại địa chỉ: Thôn Châu Giàng, xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 426518, số vào sổ cấp GCN: CH 01634, do UBND huyện Bát Xát cấp ngày 14/02/2015. Ngày 12/09/2019 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bát Xát xác nhận chuyển nhượng cho ông Đỗ Tuấn L theo hồ sơ số 000 049 .CN.005.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 75/2019/HĐTC-BTB/SHB.110901 ngày 13/09/2019 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh L - Phòng giao dịch P, bên thế chấp là ông Đỗ Tuấn L và bà Phạm Thị Hồng N thế chấp thửa đất có diện tích 150 m^2 đất ở tại nông thôn, tại địa chỉ: Thôn Châu Giàng, xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 731865, số vào sổ cấp GCN: CH 01626, do UBND huyện Bát Xát cấp ngày 10/10/2014. Ngày 12/09/2019 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bát Xát xác nhận chuyển nhượng cho ông Đỗ Tuấn L theo hồ sơ số 000 047 .CN.005.

Việc thế chấp do ông Đỗ Tuấn L và bà Phạm Thị Hồng N là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, việc thế chấp hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp, hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản, các bên chủ thể tham gia giao kết là người có thẩm quyền, cùng thống nhất về quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng, nội dung hợp đồng thế chấp không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật.

[2.3] Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh L - Phòng giao dịch P đã tiến hành giải ngân ông Nguyễn Văn Đ theo khế ước nhận nợ số: 01-111/2019/HĐHM-CN/SHB ngày 13/9/2019 số tiền vay 1.600.000.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Văn Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho ngân hàng nên toàn bộ khoản vay bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/10/2019. Như vậy ông Nguyễn Văn Đ đã vi phạm hợp đồng không thực hiện nghĩa vụ trả gốc, lãi theo hợp đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh L - Phòng giao dịch P xác định tính đến ngày 04/6/2020 ông Đ còn nợ gốc là 1.600.000.000 đồng; Lãi trong hạn 65.884.352 đồng, lãi quá hạn 77.389.201 đồng. Việc cho vay, cách tính lãi suất của ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông Đ nhất trí việc phải trả nợ. Như vậy là có căn cứ chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Đ phải trả khoản tiền nợ trên.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên để đảm bảo thi hành án.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiên của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn nhận chịu 3.200.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 241, 299, 317, 320, 322, 463,466, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 91; 95; 98 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Án lệ số 08/2016/AL.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 04/6/2020, tổng số tiền 1.743.282.553 đồng *(Một tỷ bảy trăm bốn ba triệu hai trăm tám hai nghìn năm trăm lăm mươi ba đồng),* trong đó dư nợ gốc: 1.600.000.000 đồng *(Một tỷ sáu trăm triệu đồng).* dư nợ lãi: 143.282.553 đồng *(Một Một trăm bốn ba triệu hai trăm tám hai nghìn năm trăm lăm mươi ba đồng),* theo Hợp đồng đồng cấp hạn mức tín dụng số: 111/2019/HĐHM-CN/SHB.110901 ngày 13/9/2019 cùng khế ước nhận nợ số 01-111/2019/HĐHM-CN/SHB ngày 13/9/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh L - Phòng giao dịch P và ông Nguyễn Văn Đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục

thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về thực hiện nghĩa vụ thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Văn Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để thu hồi khoản nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo hợp đồng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 74/2019/HĐTC-BTB/SHB.110901 ngày 13/09/2019 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 75/2019/HĐTC-BTB/SHB.110901 ngày 13/09/2019 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh L - Phòng giao dịch P, bên thế chấp là ông Đỗ Tuấn L và bà Phạm Thị Hồng N.

Khi cơ quan Thi hành án tiến hành xử lý tài sản thế chấp buộc ông Đỗ Tuấn L và bà Phạm Thị Hồng N phải bàn giao cho Cơ quan thi hành án tài sản thế chấp là:

- Diện tích 250 m^2 đất ở nông thôn, tại địa chỉ: Thôn Châu Giàng, xã Bản Qua (nay là tổ 9, thị trấn Bát Xát), huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 426518, số vào sổ cấp GCN: CH 01634, do UBND huyện Bát Xát cấp ngày 14/02/2015 mang tên Trần Mạnh Cường, ngày 12/09/2019 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bát Xát xác nhận chuyển nhượng cho ông Đỗ Tuấn L

- Diện tích 150 m^2 đất ở tại nông thôn, tại địa chỉ: Thôn Châu Giàng, xã Bản Qua (nay là tổ 9, thị trấn Bát Xát), huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 731865, số vào sổ cấp GCN: CH 01626, do UBND huyện Bát Xát cấp ngày 10/10/2014 mang tên Trần Mạnh Cường. Ngày 12/09/2019 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bát Xát xác nhận chuyển nhượng cho ông Đỗ Tuấn L để xử lý thu hồi cho khoản nợ trên.

3.Về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

- Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 64.298.477 đồng *(Sáu mươi tư triệu hai trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng)* tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.923.000 đồng *(Ba mươi triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006594 ngày 10/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng thương mại cổ phần S nhận chịu 3.200.000 đồng *(Ba triệu hai trăm nghìn đồng)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; TP
- Các đương sự;
- THADS TP;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Lanh